

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2012/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường cây cối, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ngày 26/4/2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều Pháp lệnh Giá. Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1883/TTr-STC ngày 09/10/2012, (kèm theo biên bản Liên ngành Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Đại Từ, UBND huyện Võ Nhai và Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Núi Pháo lập ngày 05/10/2012),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường cây cối, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã ban hành tại Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 20/06/2011 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

Phụ lục

**VỀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐƠN GIÁ MỘT SỐ CÂY DƯỢC LIỆU,
CÂY NA ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG CÂY CỎI,
HOA MÀU GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2012/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Danh mục cây	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
I	Cây thuốc			
1	Đinh lăng (giống đầu dòng)	Cây	4.300	Bổ sung danh mục giống cây dược liệu chưa có trong Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND
2	Đinh lăng (giống trồng hàng hóa)	Cây	3.500	
3	Ba kích tím (giống đầu dòng)	Cây	8.500	
4	Ba kích tím (giống trồng hàng hóa)	Cây	6.500	
5	Thìa canh	Cây	3.500	
6	Thanh hao hoa vàng (giống đầu dòng)	Cây	1.800	
7	Thanh hao hoa vàng (giống trồng hàng hóa)	Cây	840	
8	Giảo cổ lam	Cây	2.600	
9	Sâm cau	Cây	9.000	
10	Kim tiền thảo giống	Cây	600	
11	Tam thất bắc	Cây	16.500	
12	Tam thất nam	Cây	4.300	
13	Nghệ đen	Cây	2.000	
14	Ích mẫu	Cây	600	
15	Ac ti sô (Artichoke)	Cây	11.000	
16	Hà thủ ô trắng	Cây	5.300	
17	Hà thủ ô đỏ	Cây	8.500	

STT	Danh mục cây	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
18	Diệp hạ châu	Cây	500	
19	Gối hạc	Cây	8.500	
20	Hoàng tinh hoa đỏ	Cây	6.500	
21	Hoàng đằng	Cây	6.500	
22	Thiên niên kiện	Cây	3.000	
23	Sa nhân	Cây	4.500	
24	Đỗ Trọng	Cây	5.000	
25	Chè hoa vàng	Cây	16.000	
26	Bình vôi tím	Cây	20.000	
27	Si tử	Cây	2.000	
II	Cây ăn quả điều chỉnh giá			
1	Cây Na, trong đó:			
-	Cây con mới trồng đường kính gốc <1cm cao >25cm	Cây	40.000	Điều chỉnh mức giá tại Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND
-	Cây trồng đường kính gốc >1cm đến 2cm	Cây	60.000	
-	Cây trồng đường kính gốc >2cm chưa có quả	Cây	200.000	
-	Cây trồng đã có thu hoạch quả	Cây	400.000	